

# NGHIÊN CỨU CHIẾN LƯỢC HỌC CỦA SINH VIÊN Ở MỘT SỐ TRƯỜNG CAO ĐẲNG VÀ ĐẠI HỌC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**ĐẶNG THỊ DIỆU HIỂN**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh  
Email: hiendtd@hcmute.edu.vn

**Tóm tắt:** Chiến lược học là một trong các yếu tố quan trọng làm cơ sở định hướng, vạch ra kế hoạch tổng quát và chi tiết giúp sinh viên đạt mục tiêu mong muốn. Chiến lược học được sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới nhằm tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng học của sinh viên. Tuy nhiên, ở Việt Nam, lĩnh vực này hầu như chưa được quan tâm nghiên cứu. Bài viết này trình bày cơ sở lý luận khái quát về chiến lược học; kết quả nghiên cứu về thực trạng chiến lược học; sự khác biệt giữa hệ đào tạo, giới tính, năm học, kết quả học tập với 12 chiến lược học cụ thể của sinh viên 32 trường cao đẳng và đại học tại TP. Hồ Chí Minh.

**Từ khóa:** Chiến lược học; chất lượng học; kết quả học tập; cao đẳng; đại học; TP. Hồ Chí Minh.

(Nhận bài ngày 12/10/2016; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 29/11/2016; Duyệt đăng ngày 27/12/2016).

## 1. Đặt vấn đề

Chiến lược học (CLH) là những suy nghĩ, hành động học tập, chiến thuật hay các bước thực hiện cụ thể, các kế hoạch, các thói quen mà người học sử dụng phù hợp với những yêu cầu học tập xuất hiện để đạt được mục tiêu học tập. CLH có vai trò quan trọng trong việc xác định mục tiêu, cách thức tiếp cận việc học cũng như là lên kế hoạch về những hoạt động học tập để đạt được một cách tốt nhất mục tiêu đề ra. CLH đã được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Tuy nhiên, tại Việt Nam, vấn đề này chưa được các nhà nghiên cứu và giáo viên quan tâm nhiều. Do đó, nghiên cứu nhằm đánh giá người học đặc biệt là sinh viên (SV) đang sử dụng các CLH nào, ở mức độ ra sao, sự khác biệt của các CLH với một số yếu tố như giới tính, kết quả học tập, năm học,... như thế nào là rất cần thiết để đạt kết quả học tập cao nói riêng và mục tiêu học tập nói chung.

## 2. Một số vấn đề lý luận về chiến lược học

### 2.1. Khái niệm

Thuật ngữ chiến lược (strategy) (CL) là có nguồn gốc từ quân đội để chỉ tiến trình thi hành kế hoạch của một chiến dịch quân sự trên quy mô lớn. Các bước cụ thể trong việc thực hiện kế hoạch được gọi là chiến thuật. Hiểu một cách tổng quát thuật ngữ CL để cập đến việc thực hiện các chiến thuật để hoàn thành một cái gì đó. Trong lĩnh vực giáo dục, thuật ngữ CLH (learning strategy) được nhiều tác giả đề cập đến, mỗi tác giả có cách định nghĩa khác nhau. Theo Pask (1976) CLH là sự kết hợp của các kĩ năng nhận thức diễn ra khi những yêu cầu học tập được xuất hiện. Trong khi đó Snowman định nghĩa CLH là một chuỗi các hành động để hoàn thành việc học và những bước cụ thể trong các chuỗi này được gọi là chiến thuật học tập. Anderson và Weinstein & Mayer (1985) phát biểu CLH là những suy nghĩ và những hành vi góp phần lên kế hoạch tổ chức những hành động học tập đã được thiết kế để đạt mục tiêu.

CLH được Wenden and Rubin (1987) mô tả như bất kì các hoạt động, các bước, các kế hoạch, hay là các thói quen được người học sử dụng như là điều kiện để đạt được, để lưu giữ được, để gợi nhớ và để sử dụng thông tin. Dựa vào các định nghĩa trên có thể hiểu một cách toàn diện về CLH đó là sự nhận thức, sự suy nghĩ về cách thức tiếp cận và tiến hành hoạt động học, những hành động học tập, chiến thuật hay các bước thực hiện cụ thể, các kế hoạch, các thói quen mà người học sử dụng khi những yêu cầu học tập xuất hiện để đạt được mục tiêu học tập. Những yêu cầu học tập có thể là yêu cầu làm tốt bài kiểm tra, yêu cầu phải có kết quả cao hay yêu cầu học để hình thành năng lực nào đó,...

### 2.2. Các biểu hiện của chiến lược học

Dựa vào các công trình nghiên cứu về CLH của Weistein (1986, 1988, 2016), Martin Tessmer và David Jonassen (1988), Pintrich, Paul R. (1991), Gargallo, Carolyn H. Hopper (2010), Jim Eison (2010), Ernesto Macaro (2001), Pezhman Zare (2012), Pask (1976), Anderson và Weinstein & Mayer (1985), Wenden and Rubin (1987) và một số công trình nghiên cứu khác; kết quả của nghiên cứu thăm dò; sự quan sát thực tế trong quá trình dạy học cho thấy có rất nhiều CLH mà SV sử dụng trong học tập, mỗi SV có CL học tập riêng của bản thân. Tuy nhiên, trong số đó có 3 nhóm với 12 CLH cụ thể được nhiều SV sử dụng nhằm mục đích đạt kết quả cao. Các CL đó được này và kí hiệu (KH) của chúng được mô tả thông qua biểu hiện sau:

**Nhóm 1: Các CLH liên quan đến việc sử dụng và phát huy các yếu tố nội lực cá nhân để tạo động lực học tập nhằm đạt kết quả (KH: Nhóm 1).** Các CLH này chủ yếu sử dụng và phát huy những yếu tố thuộc về thói quen, nhận thức và động cơ bên trong của cá nhân,... để đạt kết quả, được thể hiện qua 4 CLH cụ thể sau:

- *CL sử dụng và phát huy động cơ học tập (KH: 1.1):* SV phát huy sự yêu thích, hứng thú, sự ham muốn học tập



hay niềm đam mê học tập của mình để đạt kết quả kết quả tốt nhất.

- *CL kiên trì trong học tập (KH: 1.2):* SV sử dụng sự bền chí để hoàn thành nhiệm vụ học tập mặc dù gặp khó khăn trở ngại, hay phải đối mặt với những thất bại tạm thời.

- *CL sử dụng sự nhận thức về giá trị của việc học (KH: 1.3):* SV nghĩ rằng những nội dung học tập là quan trọng hay hữu ích, sẽ được sử dụng cho nghề nghiệp tương lai.

- *CL sử dụng niềm tin đối với bản thân để đạt kết quả (KH: 1.4):* SV có niềm tin hay sự tin tưởng vào khả năng của mình, SV đặt ra những kì vọng và suy nghĩ chắc chắn bản thân có thể đạt được những mục tiêu hay những nhiệm vụ học tập yêu cầu.

**Nhóm 2: Các CLH liên quan đến việc sử dụng các yếu tố bên ngoài để đạt kết quả (KH: Nhóm 2).** Trong nhóm này SV chủ yếu sử dụng 3 CLH cụ thể sau:

- *CLH kết hợp với bạn bè và sự hỗ trợ của giáo viên (KH: 2.1):* SV tham gia những bài giảng và trao đổi với giảng viên nếu cần. Ngoài ra SV còn trao đổi với bạn bè để làm rõ những vấn đề chưa hiểu, hướng dẫn bạn bè để đào sâu thêm kiến thức, học chung với bạn để giải quyết những vấn đề học tập và còn để tạo niềm vui cho bản thân.

- *CL lựa chọn hay điều chỉnh môi trường học tập (KH: 2.2):* SV lựa chọn môi trường học tập phù hợp đối với bản thân như chọn nơi có đầy đủ ánh sáng, ít tiếng ồn, có mạng internet hay nơi dễ dàng tìm kiếm và sử dụng tài liệu học tập, nơi mà bản thân thấy thoải mái nhất để học tập.

- *CLH dựa trên yêu cầu của kiểm tra đánh giá (KH: 2.3):* Trước và trong khi học SV tìm hiểu phương pháp, mức độ yêu cầu, các tiêu chí và các yếu tố liên quan khác của bài kiểm tra đánh giá.

**Nhóm 3: Các CLH liên quan đến tìm kiếm, chọn lọc, xử lí và vận dụng thông tin (KH: Nhóm 3).** Trong nhóm này lựa chọn 5 CLH tiêu biểu mà nhiều SV sử dụng. Các CLH này được phân thành 3 nhóm theo 3 giai đoạn của lí thuyết thông tin: Thông tin đầu vào, xử lí thông tin, thông tin đầu ra. Đó là:

- *CLH liên quan đến việc tìm kiếm và chọn lọc thông tin (KH: 3.1):* Tùy thuộc vào nội dung môn học, yêu cầu của giáo viên, yêu cầu của đánh giá và động cơ học tập của cá nhân mà SV tìm kiếm và lựa chọn những tài liệu học tập phù hợp. SV thường tìm kiếm và phân loại những tài liệu thu thập được theo tiêu chí tài liệu chính và những tài liệu mở rộng cho môn học.

- *Các CL liên quan đến việc xử lí thông tin (KH: 3.2),* cụ thể gồm 3 CL:

+ *CL đọc thông tin (KH: 3.2.1):* Thể hiện qua các cách đọc như đọc lướt để có ý tưởng khái quát, đọc lấy ý chính hay đọc để hiểu bản chất vấn đề...

+ *CL lưu giữ thông tin (KH: 3.2.2):* SV lặp lại hoặc bằng cách riêng của mình để ghi nhớ những những nội dung tổng quát hoặc/ và những nội dung chi tiết.

+ *CL liên kết và cấu trúc lại thông tin (KH: 3.2.3):* SV tái cấu trúc và liên kết các nội dung trong cùng tài liệu hoặc nhiều nguồn tài liệu khác nhau theo từng chủ đề, theo

mối quan hệ giữa các chủ đề. Sau đó trình bày theo dạng văn bản, sơ đồ hoặc bảng biểu phù hợp nhất với nhận thức của cá nhân với mục đích dễ dàng ghi nhớ và truy xuất thông tin.

- *CL vận dụng thông tin (KH: 3.3):* SV vận dụng những điều đã học trong thực tế thông qua việc giải quyết các bài tập, những dự án học tập, thực hiện các công trình nghiên cứu, những tình huống mô phỏng theo thực tế hay những bài tập thực tế.

### 3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu lí thuyết, điều tra bằng bảng hỏi và xử lí thống kê là 3 phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng để tìm ra kết quả.

- Phương pháp nghiên cứu lí thuyết sử dụng để phân tích, tổng hợp, tái cấu trúc những tài liệu liên quan để xây dựng cơ sở lí thuyết về CLH.

- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi dùng để thu thập các ý kiến trả lời của các SV được lựa chọn ngẫu nhiên từ các trường cao đẳng và đại học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM). Nội dung các câu hỏi điều tra được thiết kế dựa vào những biểu hiện cụ thể của các CLH. Tổng cộng có 70 câu hỏi sử dụng để đánh giá 12 CLH, trung bình (TB) mỗi CLH có từ 5 đến 7 câu hỏi. Thang đo Likert 5 mức được sử dụng cho tất cả các câu hỏi của từng CLH, trong đó mức 1: Hoàn toàn không đồng ý; mức 2: Không đồng ý; mức 3: Phân vân; mức 4: Đồng ý; mức 5: Hoàn toàn đồng ý. Ngoài ra trong bảng hỏi còn có 4 biến để xác định các thông tin chung của SV. Các biến đó là: (1) hệ đào tạo: Cao đẳng, đại học; (2) giới tính: Nam, nữ; (3) SV năm thứ: I, II, III, IV và từ năm V trở lên; (4) điểm TB chung: mức 1: dưới 5.0, mức 2: từ 5.0 đến dưới 6.0, mức 3: từ 6.0 đến dưới 7.0, mức 4: từ 7.0 đến dưới 8.0, mức 5: từ 8.0 trở lên.

- Phương pháp xử lí thống kê được sử dụng để phân tích các nội dung chính sau:

+ Độ tin cậy (Cronbach's Anpha) của các câu hỏi trong từng CLH cụ thể và các nhóm CLH. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến - tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại, tiêu chuẩn chọn thang đo khi có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,6. Các biến đạt yêu cầu trong từng CLH được gom lại với nhau.

+ Thống kê mô tả để đánh giá thực trạng sử dụng các CLH của SV.

+ Phân tích ANOVA được sử dụng để tìm sự khác biệt giữa từng biến về thông tin chung của SV với từng nhóm và các CLH cụ thể. Chọn mức ý nghĩa 10%, nếu Sig. trong bảng phân tích ANOVA  $\geq 0.1$  kết luận không có sự khác biệt giữa các CLH với biến cần phân tích, nếu Sig.  $\leq 0.1$  kết luận có sự khác biệt giữa các CLH với biến cần phân tích, sau đó sử dụng thống kê mô tả để tìm ra xu hướng của sự khác biệt.

## 4. Thực trạng chiến lược học của sinh viên ở một số trường cao đẳng và đại học tại TP. Hồ Chí Minh

### 4.1. Thông tin về mẫu khảo sát

Thông tin về mẫu khảo sát 363 SV của 8 trường cao đẳng và 24 trường đại học tại TP.HCM được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Thông tin mẫu khảo sát

Biến	Chi tiết các biến	Tần số	Tỉ lệ (%)
Hệ đào tạo	Cao đẳng	50	13.8
	Đại học	313	87.2
Giới tính	Nam	198	54.5
	Nữ	165	45.5
SV năm thứ	I	58	16
	II	80	21.1
	III	110	30.3
	IV	49	13.3
	V trở lên	66	18.2
Điểm trung bình	Dưới 5.0	4	1.1
	Từ 5.0 đến 6.0	30	8.3
	Từ 6.0 đến 7.0	141	38.8
	Từ 7.0 đến 8.0	172	47.4
	Từ 8.0 trở lên	61	4.4
Total	N	363	100%

Thông tin cho thấy các yếu tố trong mẫu khảo sát mang tính đại diện vì mẫu khảo sát được thực hiện trên nhiều trường cụ thể là 32 trường cao đẳng và đại học khác nhau trên địa bàn TP.HCM với tỉ lệ SV nam và nữ gần tương đương nhau; số lượng SV phân bố tương đối đồng đều giữa các năm trừ năm nhất, điều này được xem là phù hợp vì CLH của SV năm nhất còn bị ảnh hưởng rất nhiều của CLH phổ thông, chưa mang tính đại diện cho CLH của SV; kết quả học tập của SV cũng phân bố phù hợp với kết quả điểm trung bình của SV trong thực tế.

**4.2. Trung bình về mức độ sử dụng chiến lược học của sinh viên**

Bảng 2: Trung bình về mức độ sử dụng CLH của SV

Kí hiệu	Nhóm 1	1.1	1.2	1.3	1.4		
Trung bình	3.69	3.6	3.82	3.88	3.45		
Kí hiệu	Nhóm 2	2.1	2.2	2.3			
Trung bình	3.8	3.77	4	3.64			
Kí hiệu	Nhóm 3	3.1	3.2	3.2.1	3.2.2	3.2.3	3.3
Trung bình	3.78	3.77	3.74	3.87	3.59	3.75	3.83

Từ số liệu Bảng 2 cho thấy nhằm mục đích đạt được kết quả học tập tốt nhất, SV sử dụng nhiều CLH khác nhau ở các mức độ khác nhau với mức TB từ 3.45 đến 4.0. Với mức TB này có thể đánh giá SV sử dụng CLH ở mức độ mức bình thường đến gần tốt, chưa đạt mức tốt và rất tốt. Ngoài ra, SV chưa thực sự quan tâm đến việc đầu tư vào các CLH để đạt được kết quả cao. Cụ thể hơn, khi xem xét ở góc độ từng nhóm CLH, có thể thấy rằng SV đầu tư vào các CLH ở nhóm 2 cao nhất (TB = 3,8), kế

đến là nhóm 3 (TB = 3.78) và cuối cùng là nhóm 1 (TB = 3.69), tuy nhiên sự khác biệt giữa TB các nhóm không cao đặc biệt là giữa nhóm 2 và nhóm 3. Như vậy, xét ở góc độ tổng quát, có thể thấy rằng SV quan tâm và đầu tư nhiều vào các CL sử dụng các yếu tố bên ngoài và các CLH liên quan đến việc xử lí thông tin để đạt kết quả ở mức độ cao hơn là các CLH liên quan đến việc sử dụng và phát huy các yếu tố nội lực để tạo động lực học tập nhằm đạt kết quả.

Xét ở góc độ chi tiết, không phải các CLH cụ thể trong từng nhóm được SV lựa chọn ở mức độ đồng đều nhau mà có sự khác biệt. Chẳng hạn như sự khác biệt của các CLH trong nhóm 1 theo hướng CL 1.3 sử dụng sự nhận thức về giá trị của việc học (TB = 3.88) và CLH 1.2 kiên trì trong học tập (TB= 3.82) được SV sử dụng ở mức độ cao hơn 2 CL 1.1 sử dụng và phát huy động cơ học tập (TB = 3.6) và CL 1.4 sử dụng niềm tin đối với với bản thân để đạt kết quả (TB = 3.45). Trong nhóm 2, sự khác biệt theo xu hướng SV quan tâm đến CL 2.2 lựa chọn và điều chỉnh môi trường học tập sao cho cảm thấy thoải mái và đầy đủ về tài liệu học tập, phương tiện học, ánh sáng (TB = 4.0)... hơn là quan tâm đến sử dụng chiến học 2.2 kết hợp với bạn bè và sự hỗ trợ của giảng viên (TB = 3.77) và CLH 2.3 dựa trên yêu cầu của các bài kiểm tra đánh giá (TB = 3.64). Trong nhóm 3 SV sử dụng các CLH ở các mức độ từ cao đến thấp lần lượt là: CL đọc thông tin 3.2.1 (TB = 3.87), CL vận dụng thông tin 3.3 (TB = 3.83), CL liên quan đến tìm kiếm và lựa chọn thông tin 3.1 (TB = 3.77), CL liên kết và cấu trúc thông tin 3.2.3 (TB = 3.75) và thấp nhất là CL lưu giữ thông tin (TB = 3.59).

Từ tất cả số liệu trên cho thấy cho thấy với mong muốn đạt được kết quả học tập tốt SV có phần coi trọng việc sử dụng các CL: Nhận thức về giá trị của việc học, kiên trì học tập, cũng như sử dụng các CLH liên quan đến sự hỗ trợ của thầy cô và bạn bè tìm kiếm chọn lọc, đọc, cấu trúc, áp dụng thông tin kết hợp với việc tạo ra môi trường học phù hợp cao hơn là việc sử dụng các CL: Phát huy động cơ học tập, sử dụng niềm tin, dựa trên các yêu cầu của bài kiểm tra đánh giá và lưu giữ hay nhớ thông tin. Kết quả này cho thấy SV đã đánh giá tầm quan trọng về giá trị của việc học và sử dụng các CL thiên về xu hướng đòi hỏi tính tự giác, chủ động, phát huy năng lực tự có của bản thân cao hơn là dựa vào các yếu tố tác động bên ngoài khác hay chỉ ghi nhớ thông tin.

**5. Phân tích sự khác biệt giữa hệ đào tạo, giới tính, năm học và điểm trung bình với các chiến lược học**

**5.1. Kết quả phân tích sự khác biệt giữa các sinh viên đang học ở hệ đào tạo cao đẳng và đại học với các chiến lược học**

Vì tất cả các Sig. trong cột (1) Bảng 3 ≥ 0.1, do đó có thể kết luận không có sự khác biệt giữa các SV đang học ở hệ đào tạo cao đẳng và đại học với tất cả các CLH.

**5.2. Kết quả phân tích sự khác biệt giữa các sinh viên nam và nữ với các chiến lược học**

Theo số liệu của cột (2) Bảng 3 cho thấy chỉ có Sig. của CL 1.3 = 0.059 ≤ 0.1, do đó có thể kết luận có sự khác biệt giữa nhóm SV nam và nhóm SV nữ trong việc sử



Bảng 3: Kết quả hệ số Sig. trong phân tích ANOVA giữa hệ đào tạo, giới tính, năm học và mức độ điểm TB với các CLH

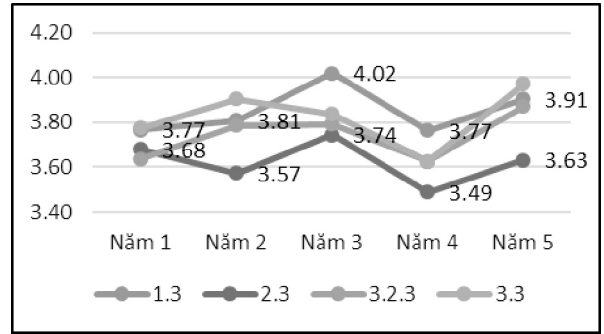
Kí hiệu	Sig.			Điểm TB (4)
	Hệ đào tạo (1)	Giới tính (2)	Năm học (3)	
Nhóm 1	0.765	0.367	0.144	0.001
1.1	0.733	0.836	0.231	0.010
1.2	0.792	0.934	0.174	0.005
1.3	0.975	0.059	0.041	0.007
1.4	0.378	0.538	0.487	0.029
Nhóm 2	0.261	0.762	0.219	0.318
2.1	0.398	0.524	0.499	0.678
2.2	0.221	0.398	0.272	0.709
2.3	0.718	0.328	0.006	0.207
Nhóm 3	0.649	0.373	0.109	0.001
3.1	0.956	0.981	0.163	0.000
3.2	0.284	0.162	0.351	0.005
3.2.1	0.627	0.265	0.769	0.007
3.2.2	0.160	0.348	0.735	0.143
3.2.3	0.437	0.176	0.073	0.011
3.3	0.581	0.945	0.049	0.091

dụng CL 1.3 nhận thức về giá trị của việc học, các CLH còn lại có Sig.  $\geq 0.1$ , do đó không có sự khác biệt. Sự khác biệt theo xu hướng mức độ TB nhận thức về giá trị của việc học của SV nữ là 3.93 cao hơn mức TB = 3.8 của SV nam. Ngoài ra kết quả phân tích ANOVA giữa biến giới tính với biến kết quả học tập có Sig. = 0.00. Như vậy có sự khác biệt về mức TB điểm số giữa nhóm SV nam và SV nữ theo xu hướng nhóm SV nữ có TB mức độ kết quả học tập ở mức 3.65 trong khi nhóm nam TB ở 3.22. Do đó có thể kết luận rằng sử dụng CL nhận thức giá trị của việc học ở mức độ càng cao thì kết quả học tập có xu hướng càng cao.

**5.3. Kết quả phân tích sự khác biệt giữa sinh viên đang học các năm học khác nhau với các chiến lược học**

Theo số liệu của cột (3) Bảng 3 cho thấy các CL 1.3, 2.3, 3.2.3 và 3.3 có Sig. lần lượt là 0.041, 0.006, 0.073,  $0.049 \leq 0.1$ , do đó có sự khác biệt giữa SV đang học các năm với các CLH này. Các CLH còn lại có Sig.  $\geq 0.1$  do đó không có sự khác biệt. Sự khác biệt của các CLH với SV ở các năm học được thể hiện qua Hình 1.

Hình 1 cho thấy sự khác biệt giữa các CL 1.3, 2.3, 3.2.3 và 3.3 với số năm học của SV không theo xu hướng nhất định mà có sự biến đổi khác nhau giữa các CLH và giữa các năm học khác nhau. Tuy nhiên, trong đó hầu hết mức độ sử dụng các CLH của SV năm thứ 2 cao hơn năm nhất trừ CLH 2.3. Các CLH này có xu hướng tăng từ năm 2 đến năm 3 trừ CL 3.3. Tất cả có mức độ giảm vào năm thứ 4 và sau đó là tăng lên vào năm cuối. Mặc dù có



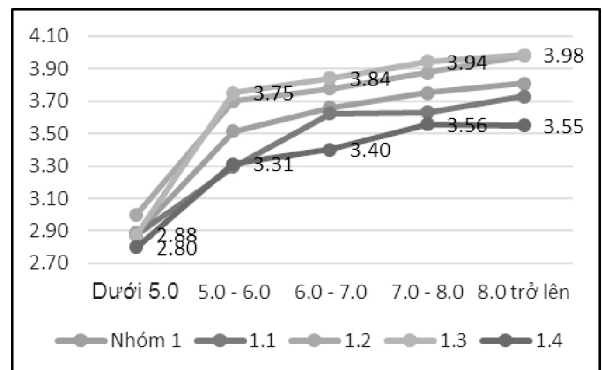
Hình 1: Biểu đồ sự khác biệt giữa SV đang học các năm học khác nhau với các CLH

sự tăng hay giảm của mức độ sử dụng các CLH này theo từng năm học nhưng có thể nhận thấy SV năm cuối sử dụng các CL 1.3 nhận thức về giá trị của việc học, CL 3.2.3 liên kết và cấu trúc thông tin và CL 3.3 vận dụng thông tin vào thực tế ở mức độ TB cao hơn các SV năm nhất, trong khi CL 2.3 phù hợp với yêu cầu đánh giá thấp hơn năm nhất. Như vậy có thể cho thấy trong quá trình học SV có sự chuyển biến về nhận thức về giá trị học, liên kết cấu trúc và tổ chức thông tin theo chiều hướng năm cuối tốt hơn năm nhất nhưng họ không quan tâm nhiều đến việc đánh giá bằng SV năm nhất.

**5.4. Kết quả phân tích sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên có điểm trung bình khác nhau với các chiến lược học**

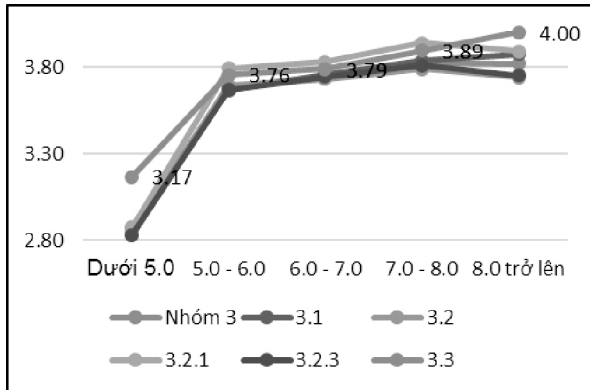
Theo số liệu của cột (4) Bảng 3 cho thấy tất cả các CLH ở nhóm 1 và 4 trong số 5 CLH cụ thể của nhóm 3 là 3.1, 3.2.1, 3.2.3 và 3.3 có Sig.  $\leq 0.1$ , cho thấy rằng các CLH liên quan đến việc sử dụng và phát huy các yếu tố nội lực cá nhân để tạo động lực học tập nhằm đạt kết quả và các CLH liên quan đến tìm kiếm, chọn lọc, xử lý và vận dụng thông tin trừ CL ghi nhớ thông tin đem lại sự khác biệt về kết quả học tập cho SV. Tất cả các CLH ở nhóm 2 và CL 3.2.2 có Sig.  $\geq 0.1$ , do đó CLH liên quan đến việc sử dụng các yếu tố bên ngoài và CLH lưu giữ thông tin không đem lại sự khác biệt về kết quả học tập cho SV.

Sự khác biệt về kết quả học tập của các CLH thuộc nhóm 1 và nhóm 2 chi tiết minh họa trong Hình 2 và Hình 3. Các biểu đồ cho thấy xu hướng khá rõ ràng là SV



Hình 2: Biểu đồ sự khác biệt giữa trung bình kết quả học tập và các CLH nhóm 1

có kết quả học tập càng cao sử dụng các CLH nhóm 1 và nhóm 3 ở mức độ càng cao và ngược lại. Kết quả này cho thấy 8 CL: Sử dụng và phát huy động cơ học tập; kiên trì trong học tập; sử dụng sự nhận thức về giá trị của việc học; sử dụng niềm tin đối với bản thân để đạt kết quả; liên quan đến việc tìm kiếm và chọn lọc thông tin; đọc thông tin; liên kết và cấu trúc thông tin; vận dụng thông tin có ảnh hưởng đến kết quả học tập của SV theo xu hướng tương quan thuận.



Hình 3: Biểu đồ sự khác biệt giữa trung bình kết quả học tập và các CLH nhóm 3

Qua phân tích sự khác biệt giữa các CLH với điểm TB của SV cho thấy không phải đầu tư vào CLH nào cũng mang lại sự khác biệt về kết quả học tập mà chỉ có một số CLH mang lại sự khác biệt. Có một số CLH SV nghĩ rằng đầu tư vào nhiều sẽ đem lại kết quả cao nhưng thực tế không phải như thế, chẳng hạn nhóm CLH thứ 2 liên quan đến việc sử dụng các yếu tố bên ngoài. Trong khi đó những CLH SV cho rằng không quan trọng và sử dụng ở mức độ thấp nhất nhưng có thể giúp SV đạt kết quả tốt hơn điển hình là CL 1.4 sử dụng niềm tin đối với bản thân để đạt kết quả có TB thấp nhất = 3.45.

### 6. Kết luận

Thông qua việc lấy ý kiến và xử lý thống kê 363 phiếu trả lời của SV đến từ 32 trường cao đẳng và đại học cho thấy mức độ sử dụng các CLH với mong muốn có kết quả cao được SV thực hiện ở mức độ chưa tốt. Bên cạnh đó SV cũng chưa xác định được một cách rõ ràng

những CLH nào có thể đạt kết quả cao, những CLH nào sẽ không đem lại sự khác biệt về kết quả. Ngoài ra kết quả nghiên cứu cho thấy không có sự khác biệt về CLH nhóm SV đang theo học hệ cao đẳng hay đại học. Có sự khác biệt: Giữa SV nam và SV nữ về CL nhận thức về giá trị của việc học; giữa SV học các năm học khác nhau về CL nhận thức giá trị của việc học, phù hợp với yêu cầu đánh giá, liên kết và cấu trúc thông tin, vận dụng thông tin; giữa SV có kết quả học tập ở các mức độ khác nhau với các CLH sử dụng và phát huy động cơ học tập, kiên trì trong học tập, sử dụng sự nhận thức về giá trị của việc học, sử dụng niềm tin đối với bản thân để đạt kết quả, liên quan đến việc tìm kiếm và chọn lọc thông tin, đọc thông tin, liên kết và cấu trúc thông tin và vận dụng thông tin.

Kết quả nghiên cứu này có thể khẳng định việc nghiên cứu CLH để xác định những chiến lược học nào có tác động đến kết quả học tập nói riêng và những CLH nào có ảnh hưởng đến các mục đích học tập khác học tập khác nói chung rất cần thiết. Những nghiên cứu về lĩnh vực này giúp SV và những người làm công tác giáo dục có cơ sở lựa chọn những CLH cũng như là phương pháp học tập phù hợp với từng mục tiêu khác nhau.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Carolyn H. Hopper, (2010), *Practicing College Learning Strategies (Fifth Edition)*, Wadsworth, Cengage Learning, USA.
- [2]. Claire Ellen Weinstein - Ph.D - David R. Palmer-Ph.D and Taylor W. Acee, (2016), *The Learning and Study Strategies Inventory (LASSI)* (third edition), H&H Publishing Company, Inc. (third edition).
- [3]. Ernesto Macaro, (2001), *Learning strategies in foreign language classrooms*, Continuum, London and New York.
- [4]. Jim Eison, Ph.D., (2010), *Using Active Learning Instructional Strategies to Create Excitement and Enhance Learning*, Department of Adult, Career & Higher Education, University of South Florida.
- [5]. KU center for research on learning, (2009), *Learning Strategies overview*, The University of Kansas, Joseph R. Pearson Hall.

## RESEARCH ON STUDENTS' LEARNING STRATEGY AT COLLEGES AND UNIVERSITIES IN HO CHI MINH CITY

Dang Thi Dieu Hien  
 HCMC University of Technology and Education  
 Email: hienttd@hcmute.edu.vn

**Abstract:** Learning strategy is one of the key factors creating the basis for direction, outlined and detailed plans to help students achieve the desired objectives. It was of great concern of researchers around the world to find out solutions to improve students' learning quality. However, this issue was without any attention in Vietnam. This article presents a theoretical overview of learning strategy; Research results on its real status; the difference among training system, gender, school year and learning outcomes with 12 specific learning strategies of 32 students at colleges and universities in Ho Chi Minh city.

**Keywords:** Learning strategy; learning quality; learning outcomes; colleges; universities; Ho Chi Minh city.